

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2018/HSPT

Ngày: 01-11-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bạch Đăng Thi.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Ông Ngô Quang Dũng.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Ngô Văn Quang - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hồng Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2018/TLPT-HS ngày 18/9/2018 đối với bị cáo Vi Lương Đ, do có kháng cáo của bị cáo Vi Lương Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***\* Bị cáo:***

Họ và tên: **Vi Lương Đ**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không; Sinh, trú quán: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Bố đẻ: Vi Văn S; Mẹ đẻ: Phạm Thị T; Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1990; Có 02 con; Tiền án: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 90/2013/HSST ngày 29/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo Vi Lương Đ 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 30/09/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương, ngày 06/02/2014 bị cáo chấp hành xong phần án phí; Ngày 06/02/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ra Quyết định số 340/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 21/5/2018, bị cáo Vi Lương Đ, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L đi ra phố L, xã G để đón xe buýt đi xuống thị trấn C chơi. Đ đi bộ từ nhà ra đường của thôn thì gặp một người đi xe mô tô không quen biết, Đ hỏi đi nhờ xe mô tô của người này ra công chợ L, xã G. Khi đi đến công chợ L, xã G thì Đ xuống xe đứng ở rìa đường Quốc lộ 31 để chờ xe ô tô buýt. Đứng chờ xe buýt một lúc không thấy có xe buýt nên Đ đi bộ xuống hướng thị trấn C, đi được khoảng 50m - 60m thì rẽ vào đường đi vào nhà ông Trương Văn Q, sinh năm 1962, trú tại thôn L, xã G, thấy cổng của gia đình ông Q không khoá, ở hiên nhà có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Draem, màu tím, biển kiểm soát số 15 - 937 - H5, 02 chiếc xe đạp điện và 01 chiếc xe đạp thường dựng ở hiên nhà. Quan sát thấy không có người nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình ông Q. Thực hiện ý định trên Đ đi vào hiên nhà ông Q thấy chiếc xe mô tô chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá nên Đ dong chiếc xe mô tô ra ngoài cổng rồi ngồi lên để cho xe nổ, nhưng xe mô tô không nổ được, nên Đ dựng chiếc xe mô tô ở tại cổng rồi đi vào chỗ 02 chiếc xe đạp điện thì thấy ở trên đỉnh nóc chiếc tủ lạnh ở gần đó có chìa khoá xe đạp điện. Đ tiến lại gần lấy chìa khoá đó rồi đi ra cắm vào ổ khoá chiếc xe đạp điện màu trắng, đen nhãn hiệu HK bike CAP A2 và mở khoá điện, thì thấy mở được khoá nên Đ dắt chiếc xe đạp điện đó ra ngoài đường rồi điều khiển chiếc xe đạp đi thẳng xuống nhà anh Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1969, trú tại khu L, thị trấn C, huyện L (là người quen của Đ) để gửi xe và sạc nhờ điện ở đó, sau đó Đ rút chìa khoá xe, đi sang nhà anh Đỗ Văn Đ2, sinh năm 1972 là em trai anh Đ1 nhà ở gần đó. Đ thấy ở trên cửa sổ có 01 lọ sơn xịt áp suất màu đỏ nâu, Đ để chiếc chìa khoá xe đạp điện ở tủ thuốc của nhà anh Đ2 rồi tự ý lấy lọ sơn nhà anh Đ2 mang sang nhà anh Đ1 dùng lọ sơn xịt vào hai chân bunn bánh trước và sau của xe đạp điện vừa trộm cắp được với mục đích nhằm tránh sự phát hiện của chủ xe và mọi người. Khi sơn xong thì Đ cầm lọ sơn đó quay lại và để ở dưới gầm giường nhà anh Đ2 rồi Đ bỏ đi chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày gia đình ông Trương Văn Q phát hiện bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe đạp điện và chiếc xe mô tô bị dịch chuyển ra ngoài cổng nên đã làm đơn trình báo Công an huyện Lục Ngạn. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của ông Trương Văn Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành điều tra, xác minh. Ngày 22/5/2018 anh Đỗ Văn Đ1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HK bike CAP A2 mà Đ đã gửi ở nhà anh. Ngày 23/5/2018 ông Trương Văn Q đã giao nộp 01 chìa khoá xe đạp điện có chữ HK bike, 01 nút điều khiển chống trộm, màu đen. Cùng ngày anh Đỗ Văn Đ2 đã giao nộp 01 lọ sơn xịt áp suất, nhãn hiệu KOBE, thể tích 400ml. Ngày 06/6/2018 anh Đỗ Văn Đ2 giao nộp

01 chìa khoá xe đạp điện màu đen có chữ HK bike. Ngày 23/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã mời Đ đến trụ sở để làm việc. Tại Cơ quan điều tra Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Vi Lương Đ tại thôn Đ, xã T, huyện L. Quá trình khám xét không thu giữ được đồ vật, tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội của Vi Lương Đ.

Ngày 23/5/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 82 đối với chiếc xe đạp điện của gia đình ông Trương Văn Q đã bị Đ trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số 82 ngày 23/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện L xác định giá trị chiếc xe đạp điện ở thời điểm bị chiếm đoạt là 11.120.000đ (mười một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 04/6/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra yêu cầu định giá tài sản số 100 đối với chiếc xe mô tô của gia đình ông Trương Văn Q đã bị Đ trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số 100 ngày 04/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện L xác định giá trị chiếc xe mô tô trên ở thời điểm bị chiếm đoạt là 6.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 16/7/2018 của VKSND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố Vi Lương Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vi Lương Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử: Phạt bị cáo Vi Lương Đ 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2018 bị cáo Vi Lương Đ kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Vi Lương Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng và không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố

tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Lương Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí: Bị cáo Vi Lương Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Vi Lương Đ tranh luận: Định giá chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 15-937-H5 là 6.000.000 đồng là cao.

+ Kiểm sát viên đối đáp với bị cáo: Việc định giá của cơ quan có thẩm quyền chuyên môn là đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị cáo được.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Vi Lương Đ nói lời sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Vi Lương Đ đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: buổi sáng ngày 21/5/2018 Vi Lương Đ đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Draem, màu tím, biển kiểm soát 15 - 937 - H5, trị giá 6.000.000 đồng và 01 chiếc xe đạp điện màu trắng, đen nhãn hiệu HK bike CAP A2, trị giá 11.120.000 đồng của gia đình ông Trương Văn Q sinh năm 1962, trú tại thôn L, xã G, huyện L. Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt là 17.120.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Vi Lương Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Vi Lương Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Vi Lương Đ thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ có yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên các vấn đề khác của án sơ thẩm như phần xử lý vật chứng, án phí có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ. Tòa cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo

có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) là không đúng, bởi lẽ bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử và kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án hình sự sơ thẩm số 90 ngày 30/9/2015. Tòa cấp sơ thẩm cần lưu ý và rút kinh nghiệm.

Xét về nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại bản án hình sự sơ thẩm số 90/2013/HSST ngày 29/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 06/02/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ra Quyết định số 340/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và là người có ích cho gia đình và xã hội. Tại quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Lương Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vi Lương Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử: Phạt bị cáo Vi Lương Đ 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2018.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị

cáo Vi Lương Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Bạch Đăng Thi**